



TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG PETROLIMEX

Tài liệu hướng dẫn sử dụng
CHÊNH LỆCH NHIỆT ĐỘ
PHẦN MỀM QUẢN LÝ HỆ THỐNG CỦA HÀNG XĂNG DẦU

HÀ NỘI, 05/2023

Mục lục

1.	Tổng quan	3
1.1	Mục đích	3
1.2	Phạm vi tài liệu	3
1.3	Các thuật ngữ và viết tắt	4
2.	Nội dung chi tiết	5
2.1	Danh mục từ điển.....	5
2.1.1.	Cấu hình bể sử dụng ĐMTĐ.....	5
2.1.2.	Khai báo nhiệt độ bình quân:	6
2.2	Nhập di chuyển xăng dầu sáng – SR1	7
2.2.1.	Cửa hàng có sử dụng ĐMTĐ.....	7
2.2.2.	Cửa hàng không sử dụng ĐMTĐ.....	8
2.3	Tính VCF bình quân theo kỳ	9
2.4	Nhập xuất chênh lệch nhiệt độ - KS9	10
2.5	Kiểm kê XDS – KS5	13
2.5.1	Điều kiện làm chứng từ kiểm kê XDS KS5.....	13
2.5.2	Các bước thực hiện Kiểm kê XDS (KS5)	13
a)	Cách 1 Kiểm kê bằng phương nháp nhập liệu/Load số đo bể tại thời điểm kiểm kê.....	13
b)	Cách 2: Kiểm kê bằng phương nháp kế thừa từ chứng từ chốt ca WS3	17
Phụ lục 1-	Công thức tính toán tại Tab “Hạch toán” trên chứng từ SR1	20
Phụ lục 2:	Công thức tính D15 bình quân trên tab đo bể của chứng từ KS5.....	22

1. Tổng quan

1.1 Mục đích

Hướng dẫn những nội dung chỉnh sửa các chứng từ trên EGAS căn cứ theo nghiệp vụ ĐMTĐ.

1.2 Phạm vi tài liệu

Tài liệu mô tả hướng dẫn sử dụng các Tcode được chỉnh sửa theo nghiệp vụ ĐMTĐ:

STT	Tcode/Danh mục	Nghiệp vụ	Nội dung chỉnh sửa	Menu
1	Danh mục cấu hình bề sử dụng ĐMTĐ	Khai báo bề có/không sử dụng ĐMTĐ, làm căn cứ để hệ thống xác định nhiệt độ tính chênh lệch	Thêm mới	Hệ thống\Cấu hình CHXD\Danh mục cấu hình bề sử dụng ĐMTĐ
2	Nhiệt độ bình quân	Khai báo nhiệt độ bình quân của từng mặt hàng tại từng CHXD, làm căn cứ để hệ thống xác định nhiệt độ tính chênh lệch	Đổi tên từ danh mục cũ "Kỳ nhiệt độ khoán"	Hệ thống\Cấu hình CHXD\Nhiệt độ bình quân
3	Tính VCF bình quân theo kỳ	Tính VCF bình quân theo kỳ	- Đối với CHXD có sử dụng ĐMTĐ: sẽ tính dựa trên nhiệt độ bề kỳ trước - Đối với CHXD không sử dụng ĐMTĐ: sẽ tính dựa trên nhiệt độ bình quân khai báo ở danh mục	Tích hợp\Master Data Company\Tính VCF bình quân theo kỳ
4	SR1	Nhập di chuyển XDS đến CHXD	- Luôn phải nhập Tab "Phần đo bề" và "Số đo vòi bơm chót" - Tab "Hạch toán XDS" ghi nhận thông tin hạch toán theo từng bề	CHXD\Kho\Nhập di chuyển XDS đến CHXD

STT	Tcode/Danh mục	Nghiệp vụ	Nội dung chỉnh sửa	Menu
5	KS9	Nhập xuất chênh lệch nhiệt độ	- Tính chênh lệch nhiệt độ trên từng bể, chứng từ SR1 - Đối với bể khai báo sử dụng ĐMTĐ: Sử dụng nhiệt độ bể để tính chênh lệch - Đối với bể khai báo không sử dụng ĐMTĐ: Sử dụng nhiệt độ bình quân tại danh mục để tính chênh lệch	CHXD\Kho\Nhập xuất chênh lệch nhiệt độ
6	KS5	Kiểm kê XDS	- Bổ sung thêm chức năng lấy log bể trong thời gian quá khứ - NSD phải tạo KS9 mới được tạo KS5 - Bổ sung thông tin về tồn L15 thực tế tại thời điểm cuối tháng	CHXD\Kho\Kiểm kê XDS

1.3 Các thuật ngữ và viết tắt

Thuật ngữ, kí hiệu	Ý nghĩa
Petrolimex	Tập đoàn xăng dầu Việt Nam
EGAS	Phần mềm quản lý cửa hàng bán lẻ xăng dầu
SAP	Hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp SAP của Petrolimex

VP	Khối văn phòng quản lý cửa hàng trực thuộc
CHXD	Cửa hàng xăng dầu
ĐMTĐ	Đo mức tự động
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
(*)	Dấu (*) đi kèm với tên trường nghĩa là bắt buộc nhập liệu

2. Nội dung chi tiết

2.1 Danh mục từ điển

2.1.1. Cấu hình bề sử dụng ĐMTĐ

- Sử dụng để cấu hình bề có sử dụng ĐMTĐ để lấy thông tin của bề
- Thực hiện tại menu: **Hệ thống/Cấu hình CHXD/ Cấu hình bề sử dụng ĐMTĐ**

[Sys]	Bể	CHXD	ĐMTĐ
1 212001	980404 - Bể 4 - DO 0.05S-II	212098 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 98	Có dùng
2 212002	980313 - Bể 3 - RON95-III	212098 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 98	Có dùng
3 212003	980202 - Bể 2 - DO 0.001S-V	212098 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 98	Có dùng
4 212004	98011 - Bể 1 - E5-RON92-II	212098 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 98	Có dùng
5 212005	970434 - Bể 4 - DO 0.001S-V	212097 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 97	Có dùng
6 212006	97033 - Bể 3 - E5_RON92-II	212097 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 97	Có dùng
7 212007	970202 - Bể 2 - DO 0.05S-II	212097 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 97	Có dùng
8 212008	970111 - Bể 1 - RON95-III	212097 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 97	Có dùng
9 212009	960414 - Bể 4 - DO 0.001S-V	212096 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 96	Có dùng
10 212010	960313 - Bể 3 - RON95-III	212096 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 96	Có dùng
11 212011	960202 - Bể 2 - DO 0.05S-II	212096 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 96	Có dùng
12 212012	96011 - Bể 1 - E5-RON92-II	212096 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 96	Có dùng

Thực hiện cập nhật cho từng bề của từng cửa hàng bằng cách kích nút **Thêm** :

- + Bể chứa: Mã bể và tên bể chứa
- + CHXD: Mã cửa hàng và tên cửa hàng
- + ĐMTĐ: Có dùng – thực hiện lấy thông tin bề tự động, không dùng – không lấy thông tin bề tự động

Danh mục cấu hình bể sử dụng ĐMTĐ

<>
Lưu (Ctrl-S)
Xóa
Back
?

[Sys] **212012**

Bể chứa ▼ (*)

CHXD ▼ (*)

ĐMTĐ ▼ (*)

Sau khi cập nhật thông tin cần sửa kích nút “**Lưu (Ctrl-S)**”

2.1.2. Khai báo nhiệt độ bình quân:

- Sử dụng cho các cửa hàng không có ĐMTĐ hoặc có ĐMTĐ nhưng không sử dụng để tính KS9. Khai báo nhiệt độ bình quân của bể cho từng cửa hàng theo Từ ngày, Đến ngày (hiện tại đang quy định khai báo theo chu kỳ VCF)
- Nhiệt độ giao nhập lẻ 2 số sau dấu phẩy. Trong quá trình tính toán, chương trình sẽ tự động làm tròn nhiệt độ để tra bảng 54B. Nguyên tắc làm tròn thực hiện theo văn bản 0981/PLX-KTXD ngày 26/07/2013.
- Đường dẫn thực hiện tại EGAS: **Menu Hệ thống\Cấu hình CHXD\ Kỳ VCF bình quân/Kỳ nhiệt độ bình quân.**

Bước 1: Chọn kỳ để khai báo nhiệt độ bình quân

SYSTEM Quản trị hệ thống Dm toàn ngành Dm công ty E-Invoice Cấu hình CHXD Dm chung Báo cáo quản trị Nhập tồn đầu						
Kỳ VCF bình quân						
Show 100 lines [IMPORT] [?]						
[Thêm] [Lưu (Ctrl-S)] [Refresh]						
Trang 3 Đến trang: 1 2 3						
[Sys]	Hàng hóa	Cửa hàng	Từ ngày	Đến ngày	Mã kỳ VCF	Ghi chú
20 662385	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	212000 - KHO TT S212	1/5/2023	10/5/2023		
202 662390	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	212000 - KHO TT S212	11/5/2023	21/5/2023		
Trang 3 Đến trang: 1 2 3						

Bước 2: Chọn nút “Thêm” sau đó khai báo các thông tin về nhiệt độ bao gồm: Hàng hoá, Cửa hàng, Nhiệt độ.

Lưu ý: Không cần phải khai báo “Từ ngày ... Đến ngày”, hệ thống sẽ tự động lấy theo thời gian của kỳ được chọn sau khi kích nút **Lưu**.

SYSTEM Quản trị hệ thống Dm toàn ngành Dm công ty E-Invoice Cấu hình CHXD Dm chung Báo cáo quản trị Nhập tồn đầu													
Kỳ VCF bình quân													
Show 100 lines [IMPORT] [?]													
[Thêm] [Lưu (Ctrl-S)] [Refresh]													
Trang 3 Đến trang: 1 2 3													
[Sys]	662385	Hàng hóa	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	Cửa hàng	212000 - KHO TT S212	Từ ngày	1/5/2023	Đến ngày	10/5/2023	Mã kỳ VCF		Ghi chú	
20	662385	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	212000 - KHO TT S212	1/5/2023	10/5/2023								
202	662390	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	212000 - KHO TT S212	11/5/2023	21/5/2023								
Trang 3 Đến trang: 1 2 3													

SYSTEM Quản trị hệ thống Dm toàn ngành Dm công ty E-Invoice Cấu hình CHXD Dm chung Báo cáo quản trị Nhập tồn đầu													
Kỳ VCF bình quân													
Show 100 lines [IMPORT] [?]													
[Thêm] [Lưu (Ctrl-S)] [Refresh]													
Trang 3 Đến trang: 1 2 3													
[Sys]	662385	Hàng hóa	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	Cửa hàng	212000 - KHO TT S212	Từ ngày	1/5/2023	Đến ngày	10/5/2023	Mã kỳ VCF		Ghi chú	
20	662385	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	212000 - KHO TT S212	1/5/2023	10/5/2023								
202	662390	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	212000 - KHO TT S212	11/5/2023	21/5/2023								
Trang 3 Đến trang: 1 2 3													

SYSTEM Quản trị hệ thống Dm toàn ngành Dm công ty E-Invoice Cấu hình CHXD Dm chung Báo cáo quản trị Nhập tồn đầu													
Kỳ VCF bình quân													
Show 100 lines [IMPORT] [?]													
[Thêm] [Lưu (Ctrl-S)] [Refresh]													
Trang 3 Đến trang: 1 2 3													
[Sys]	662385	Hàng hóa	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	Cửa hàng	212000 - KHO TT S212	Từ ngày	1/5/2023	Đến ngày	10/5/2023	Mã kỳ VCF		Ghi chú	
20	662385	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	212000 - KHO TT S212	1/5/2023	10/5/2023								
202	662390	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	212000 - KHO TT S212	11/5/2023	21/5/2023								
Trang 3 Đến trang: 1 2 3													

Bước 3: Lưu lại thông tin vừa thêm

2.2 Nhập di chuyển xăng dầu sáng – SR1

- Menu: CHXD\ Kho \ Nhập di chuyển XDS đến CHXD
- Nội dung chỉnh sửa:
 - o Bắt buộc phải nhập thông tin đo bể trước và sau khi nhập hàng.
- Các bước thực hiện:

2.2.1. Cửa hàng có sử dụng ĐMTĐ

❖ Trước khi nhập hàng xuống bể:

- Vào Menu: CHXD\ Kho \ Nhập di chuyển XDS đến CHXD
- Chọn bể hàng hóa cần nhập hàng → Chọn Kho xuất hàng → Nhập số phiếu và ngày phiếu của vận đơn → Kích “Chốt TĐH trước nhập”

Chọn bể nhập

MÃ BỂ/Vòi bơm	TÊN BỂ/Vòi bơm	TĐH	HÀNG HÓA
☒ 63001	Bể 1 - E5 RON92-II	Y	Xăng E5 RON 92-II
630001	Vòi 1_E5 RON 92	Y	
630002	Vòi 2_E5 RON 92	Y	
☐ 63007	Bể 7 - E5 RON92-II		Xăng E5 RON 92-II
☐ 63008	Bể 8 - E5 RON92-II		Xăng E5 RON 92-II
☒ 63002	Bể 2 - RON95-IV		Xăng RON95-IV
630003	Vòi 3_RON 95_IV	Y	
630006	Vòi 6_RON 95 IV	Y	
☐ 63005	Bể 5 - RON95-IV		Xăng RON95-IV
☐ 63006	Bể 6 - RON95-IV		Xăng RON95-IV
☐ 63004	Bể 4 - DO 0.05S-II		DO 0.05S-II
630005	Vòi 5_DO 0.05S-II	Y	
☐ 63022	Bể 2 - DO 0.001S-V		DO 0.05S-II
☐ 63003	Bể 3 - DO 0.001S-V		DO 0.001S-V
630004	Vòi 4_DO 0.001S-V	Y	

Ngày lấy hệ số định mức hao hụt vận tải: 5/1/2023 View hệ số

Kho xuất: Tổng kho XD Đức Giang
Km vận đơn: 25
Số phiếu nhập: 123
Ngày phiếu: 5/1/2023

Chốt TĐH trước nhập Chứng từ giao nhận >>

- Tại Tab “Phân đo bể”: Kích nút “Load TĐH” để hệ thống lấy thông tin đo bể trước nhập vào chứng từ
- Tại Tab “Số đo vòi bơm chốt”: Kích nút “Load TĐH” để hệ thống lấy thông tin số đo vòi bơm trước nhập vào chứng từ

❖ Sau khi hoàn thành nhập hàng xuống bể:

- Vào Menu: CHXD\ Kho \ Nhập di chuyển XDS đến CHXD
- Chọn bể hàng hóa cần nhập hàng → Chọn Kho xuất hàng → Nhập số phiếu và ngày phiếu của vận đơn (Nhập đúng thông tin ở phần Trước nhập) → Kích “Chứng từ giao nhận”

Chọn bể nhập

MÃ BỂ/Vòi bơm	TÊN BỂ/Vòi bơm	TĐH	HÀNG HÓA
☒ 63001	Bể 1 - E5 RON92-II	Y	Xăng E5 RON 92-II
630001	Vòi 1_E5 RON 92	Y	
630002	Vòi 2_E5 RON 92	Y	
☐ 63007	Bể 7 - E5 RON92-II		Xăng E5 RON 92-II
☐ 63008	Bể 8 - E5 RON92-II		Xăng E5 RON 92-II
☒ 63002	Bể 2 - RON95-IV		Xăng RON95-IV
630003	Vòi 3_RON 95_IV	Y	
630006	Vòi 6_RON 95 IV	Y	
☐ 63005	Bể 5 - RON95-IV		Xăng RON95-IV
☐ 63006	Bể 6 - RON95-IV		Xăng RON95-IV
☐ 63004	Bể 4 - DO 0.05S-II		DO 0.05S-II
630005	Vòi 5_DO 0.05S-II	Y	
☐ 63022	Bể 2 - DO 0.001S-V		DO 0.05S-II
☐ 63003	Bể 3 - DO 0.001S-V		DO 0.001S-V
630004	Vòi 4_DO 0.001S-V	Y	

Ngày lấy hệ số định mức hao hụt vận tải: 5/1/2023 View hệ số

Kho xuất: Tổng kho XD Đức Giang
Km vận đơn: 25
Số phiếu nhập: 123
Ngày phiếu: 5/1/2023

Chốt TĐH trước nhập **Chứng từ giao nhận >>**

- Tab “Vận đơn”, “Phương tiện”: Nhập thông tin vận đơn và phương tiện như cách thức nhập trước đây

- Tại Tab “Phân đo bể”: Kích nút “Load TĐH” để hệ thống lấy thông tin đo bể sau nhập vào chứng từ
- Tại Tab “Số đo vòi bơm chốt”: Kích nút “Load TĐH” để hệ thống lấy thông tin số đo vòi bơm sau nhập vào chứng từ
- Tab “Hạch toán XDS”: hệ thống tự động tính toán công thức các cột theo công thức tính tại [Phụ lục 1](#)
- Tab “Thông tin bổ sung”: Nhập thông tin các ngăn như cách thức nhập trước đây
- Kích chọn nút “Lưu” để lưu lại chứng từ

Chú ý:

- Tại các Tab “Hạch toán XDS”, “Phân đo bể”, “Số đo vòi bơm chốt” NSD không được phép **xóa** các thông tin bể, vòi đã được chọn.
- Ngày giờ chứng từ SR1 sẽ tự động được cập nhật theo “Thời gian đo bể” sau nhập nếu “Thời gian đo bể” trước nhập và sau nhập nằm trong cùng 1 tháng. NSD không sửa lại được ngày giờ chứng từ
- Ngày giờ chứng từ SR1 sẽ tự động được cập nhật theo “Thời gian đo bể” trước nhập nếu “Thời gian đo bể” trước nhập và sau nhập khác tháng. NSD không sửa lại được ngày giờ chứng từ

2.2.2. Cửa hàng không sử dụng ĐMTĐ

- Bước 1: Thực hiện nhập hàng vào bể, Khi nhập hàng cần lấy đo bể và chốt vòi bơm trước nhập và sau nhập (Thực hiện thủ công, ngoài phần mềm)
- Bước 2: Cập nhật chứng từ nhập hàng
 - o Vào Menu: CHXD\ Kho \ Nhập di chuyển XDS đến CHXD
 - o Chọn bể hàng hóa cần nhập hàng → Chọn Kho xuất hàng → Nhập số phiếu và ngày phiếu của vận đơn → Kích “Chứng từ giao nhận”

Chọn bể nhập

MÃ BỂ/Vòi bơm	TÊN BỂ/Vòi bơm	TĐH	HÀNG HÓA
☒ 63001	Bể 1 - E5 RON92-II	Y	Xăng E5 RON 92-II
630001	Vòi 1_E5 RON 92	Y	
630002	Vòi 2_E5 RON 92	Y	
☐ 63007	Bể 7 - E5 RON92-II		Xăng E5 RON 92-II
☐ 63008	Bể 8 - E5 RON92-II		Xăng E5 RON 92-II
☒ 63002	Bể 2 - RON95-IV		Xăng RON95-IV
630003	Vòi 3_RON 95-IV	Y	
630006	Vòi 6_RON 95 IV	Y	
☐ 63005	Bể 5 - RON95-IV		Xăng RON95-IV
☐ 63006	Bể 6 - RON95-IV		Xăng RON95-IV
☐ 63004	Bể 4 - DO 0.05S-II		DO 0.05S-II
630005	Vòi 5_DO 0.05S-II	Y	
☐ 63022	Bể 2 - DO 0.001S-V		DO 0.05S-II
☐ 63003	Bể 3 - DO 0.001S-V		DO 0.001S-V
630004	Vòi 4_DO 0.001S-V	Y	

Ngày lấy hệ số định mức hao hụt vận tải: 5/1/2023 View hệ số

Kho xuất: Tổng kho XD Đức Giang ▾

Km vận đơn: 25

Số phiếu nhập: 123

Ngày phiếu: 5/1/2023

Chốt TĐH trước nhập Chứng từ giao nhận >>

- o Tab “Vận đơn”, “Phương tiện”: Nhập thông tin vận đơn và phương tiện như cách thức nhập trước đây
- o Tab “Phân đo bể”: Nhập thông tin đo bể trước nhập và sau nhập của các bể
- o Tab “Số đo vòi bơm chốt”: Nhập số chốt cột bơm trước nhập và sau nhập

- Kích chọn nút “Lưu” để lưu lại chứng từ
- Tab “Hạch toán XDS”: hệ thống tự động tính toán công thức các cột theo công thức tính tại [Phu lục 1](#)

2.3 Tính VCF bình quân theo kỳ

- Nguyên tắc
 - Tất cả các CHXD tại các CTXD đều dùng chung một công thức xác định VCF bình quân theo kỳ dựa vào “Nhiệt độ bình quân”.
 - Thời điểm tính VCF bình quân là ngày đầu của kỳ tính toán
- Hệ thống xác định các thông tin về Nhiệt độ tính VCF bình quân:

- **Đối với các CHXD đã sử dụng hệ thống ĐMTĐ:**

Nhiệt độ tính VCF bình quân (Tinh.VCFbq) được xác định là Nhiệt độ bình quân thực tế của mặt hàng tại các bể, dữ liệu tính toán lấy theo log nhiệt độ tại bể ghi nhận từ hệ thống TĐH theo chu kỳ 6 giờ/lần trong kỳ trước, dữ liệu tính toán lấy theo log nhiệt độ tại bể ghi nhận từ hệ thống TĐH theo chu kỳ 6 giờ/lần. Nếu kỳ trước không có log nhiệt độ tại bể, hệ thống sẽ tính toán dựa theo log nhiệt độ tại bể trong kỳ trước đó liền kề nhưng không vượt quá 2 kỳ.

Áp dụng công thức tính:

Nhiệt độ bình quân thực tế tại bể = Tổng nhiệt độ của các log bể/Số lượng log bể theo chu kỳ thời gian

- **Đối với các CHXD chưa sử dụng hệ thống ĐMTĐ:**

Nhiệt độ tính VCF bình quân (Tinh.VCFbq) được xác định là nhiệt độ bình quân áp dụng cho từng CHXD (nhiệt độ này được đơn vị quản lý và khai báo tại danh mục “**Nhiệt độ bình quân**” tại mục 2.1.2).

⇒ Hệ thống sẽ lưu lại “nhiệt độ tính VCF bình quân” tại bảng dữ liệu VCF theo từng mặt hàng, cửa hàng, kỳ tính toán.

- Thực hiện: Văn phòng thực hiện tại Menu

Tích hợp/Master Data Company/Tính VCF bình quân theo kỳ.

The screenshot displays the 'TÍNH VCF BÌNH QUÂN THEO KỲ' (Calculate VCF by Period) menu. It features a section titled 'Chọn cửa hàng' (Select store) with a list of checkboxes. The first checkbox is '[CHECK ALL]'. Below it are checkboxes for various stores, including '212001 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 01_CuongNK', '212004 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 04_DieuNTK', '212005 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 05', '212014 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 14_XuanNT', '212017 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 17', '212018 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 18', '212019 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 19_B12', '212030 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 30_B12', '212031 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 31_KV5', '212032 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 32', '212041 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 41_KV5', and '212042 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 42'. To the right of this list is a dropdown menu for 'Kỳ tính' (Calculation Period) showing the range '21/ 11/2022 - 30/ 11/2022'.

Chọn cửa hàng cần tính, chọn Kỳ tính (hiển thị 10 kỳ gần nhất) → Chọn
→ Chương trình tính và đưa kết quả vào bảng VCF vào phần Tích hợp

Chú ý:

- Ngày hiệu lực của VCF là Từ ngày của Kỳ tính
 - Nếu trong kỳ không có chứng từ nhập thì sẽ không tính lại VCF, khi tích hợp sẽ sử dụng kỳ VCF trước đó.
- Phương pháp tính VCF bình quân:

VCF bq: tính trên cơ sở D15 bq của chu kỳ trước và nhiệt độ tính VCF bình quân tương ứng với kỳ tính (Tinh.VCFbq), trong đó:

$$D15\ bq = \frac{\text{Tổng (D15 nhập} * \text{V15 từng chứng từ nhập)}}{\text{Tổng V15}}$$

Hệ thống sẽ lưu lại “VCF bình quân” tại bảng dữ liệu theo từng mặt hàng, cửa hàng, kỳ tính toán.

Master Data Global Master Data Company CSDL trung gian

VCF hàng hóa [EDIT ALL] Show 100 lines [IMPORT]

Thêm [Hàng hóa]: CHXD [Điền ngày]: [Enter]

Trang 1 Đến trang: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11

[Sys Key]	Hàng hóa	VCF	Nhiệt độ	Ngày hiệu lực	CHXD (Đề trống=All)
1 212028	0201002 - Xăng RON 95-II	0,9915		1/1/2015	212097 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 97
2 212048	0201002 - Xăng RON 95-II	0,9895		1/1/2015	212090 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 90
3 212060	0501001 - Dầu hỏa 2-K	0,9952		1/1/2015	212086 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 86
4 212098	0501001 - Dầu hỏa 2-K	0,9920		1/1/2015	212073 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 73
5 212204	0601002 - DO 0.05S-II	0,9964		11/1/2015	212099 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 99
6 212205	0201002 - Xăng RON 95-II	0,9932		11/1/2015	212099 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 99
7 212206	0201001 - Xăng RON 92-II	0,9954		11/1/2015	212099 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 99
8 212207	0601002 - DO 0.05S-II	0,9936		11/1/2015	212098 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 98
9 212208	0201002 - Xăng RON 95-II	0,9929		11/1/2015	212098 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 98
10 212209	0201001 - Xăng RON 92-II	0,9931		11/1/2015	212098 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 98
11 212210	0601002 - DO 0.05S-II	0,9940		11/1/2015	212097 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 97
12 212211	0201002 - Xăng RON 95-II	0,9964		11/1/2015	212097 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 97
13 212212	0201001 - Xăng RON 92-II	0,9921		11/1/2015	212097 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 97
14 212213	0601002 - DO 0.05S-II	0,9945		11/1/2015	212096 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 96
15 212214	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	0,9947		11/1/2015	212096 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 96
16 212215	0201002 - Xăng RON 95-II	0,9948		11/1/2015	212096 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 96
17 212216	0201001 - Xăng RON 92-II	0,9943		11/1/2015	212096 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 96

* Lưu ý: Nếu cửa hàng nào không xác định được nhiệt độ thì sẽ thông báo lỗi cho người dùng.

2.4 Nhập xuất chênh lệch nhiệt độ - KS9

- Sử dụng tại các cửa hàng có ĐMTĐ hoặc các CHXD có khai báo nhiệt độ bình quân tại danh mục Nhiệt độ bình quân tại thời điểm kiểm kê (thay đổi giá bán, cuối tháng,..)
- Thực hiện: cửa hàng thực hiện tại Menu CHXD/Kho/Nhập xuất chênh lệch nhiệt độ

Nhập xuất chênh lệch nhiệt độ

Ngày nhập xuất (đến ngày): 05/12/2022 23:59

Ngày tính nhập xuất chênh lệch lần trước: 5/12/2022 23:59

Next >>

Nhập xuất chênh lệch nhiệt độ

KS9.39601

Ngày xuất hao hụt: 18/1/2023 9:51

Xuất Nhập Chi tiết

/ Ghi chú:

	Hàng hóa	Tổng nhập có chênh lệch	Số lượng	Bể
1	0601002 - DO 0.05S-II	100 865	56.14	880044 - Bể 4 - DO 0.05S-II X
2	0601002 - DO 0.05S-II	20 706	10.95	880011 - Bể 1 - DO 0.05S-II X
3	0201032 - Xăng RON95-III	75 125	58.47	88022 - Bể 2 - RON95-III X
4	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	22 265	32.85	88033 - Bể 3 - E5-RON92 X
5				X
6				X
7				X
8				X
9				X
10				X
11				X
12				X

Nhập xuất chênh lệch nhiệt độ

KS9.39601

Ngày xuất hao hụt: 18/1/2023 9:51

Xuất Nhập Chi tiết

/ Ghi chú:

	Hàng hóa	Lượng chênh lệch	Nhiệt độ BQ	Ngày Cũ	Số tham chiếu	Bể
1	0601002 - DO 0.05S-II	-0.44	22.81	4/1/2023 16:26	2120881666082	880044 - Bể 4 - DO 0.05S-II X
2	0601002 - DO 0.05S-II	15.90	22.81	6/1/2023 17:09	2120881666514	880044 - Bể 4 - DO 0.05S-II X
3	0601002 - DO 0.05S-II	1.10	22.81	3/1/2023 14:53	2120881665850	880044 - Bể 4 - DO 0.05S-II X
4	0601002 - DO 0.05S-II	-1.77	22.81	5/1/2023 15:00	2120881666279	880044 - Bể 4 - DO 0.05S-II X
5	0601002 - DO 0.05S-II	-11.78	22.81	17/1/2023 10:23	2120881668593	880044 - Bể 4 - DO 0.05S-II X
6	0601002 - DO 0.05S-II	-10.05	22.81	16/1/2023 10:06	2120881668395	880044 - Bể 4 - DO 0.05S-II X
7	0601002 - DO 0.05S-II	-10.09	22.81	2/1/2023 23:58	2120881665756	880044 - Bể 4 - DO 0.05S-II X
8	0601002 - DO 0.05S-II	5.59	22.81	15/1/2023 8:58	2120881668193	880044 - Bể 4 - DO 0.05S-II X
9	0601002 - DO 0.05S-II	2.14	22.81	13/1/2023 22:22	2120881667955	880044 - Bể 4 - DO 0.05S-II X
10	0601002 - DO 0.05S-II	-9.10	22.81	1/1/2023 11:11	2120881665471	880044 - Bể 4 - DO 0.05S-II X
11	0601002 - DO 0.05S-II	0.80	22.81	11/1/2023 9:00	2120881667454	880044 - Bể 4 - DO 0.05S-II X
12	0601002 - DO 0.05S-II	0.97	22.81	13/1/2023 9:21	2120881667806	880044 - Bể 4 - DO 0.05S-II X
13	0601002 - DO 0.05S-II	0.55	22.81	12/1/2023 23:21	2120881667789	880044 - Bể 4 - DO 0.05S-II X
14	0601002 - DO 0.05S-II	4.37	22.81	9/1/2023 13:56	2120881667029	880044 - Bể 4 - DO 0.05S-II X
15	0601002 - DO 0.05S-II	7.63	22.81	7/1/2023 17:09	2120881666705	880044 - Bể 4 - DO 0.05S-II X

- Chọn ngày nhập xuất (đến ngày). → Next → Chương trình sẽ tính ra lượng nhập, xuất cho các chứng từ nhập từ “ Ngày tính nhập xuất chênh lệch lần trước” đến “Ngày chọn”, theo nhiệt độ giao theo từng Kỳ khoán → Bấm “Lưu” để tạo chứng từ.

Lưu ý: “Ngày tính nhập xuất chênh lệch lần trước” do chương trình tự động lấy từ chứng từ nhập xuất gần nhất. Do vậy khi muốn xóa chứng từ thì phải xóa lần lượt từ kỳ gần nhất trở lại.

- Phương pháp tính: Theo từng bể, chứng từ nhập trong kỳ

$$Vcl = Vtt * (VCFqd - VCF)$$

Trong đó:

- Vcl là lượng hàng hóa phát sinh do chênh lệch nhiệt độ thực tế hàng hóa tại vận đơn và nhiệt độ tại bể chứa CHXD
- Vtt là lượng hàng hóa thực tế tại vận đơn
- VCF là hệ số được xác định theo thông tin D15 và nhiệt độ thực tế hàng hóa tại vận đơn (tra bảng 54B)
- VCFqd là hệ số được xác định theo thông tin D15 hàng hóa tại vận đơn và nhiệt độ tại bể chứa tại CHXD (tra bảng 54B)
- Tổng lượng Vcl (không bù trừ lượng tăng/giảm) làm cơ sở để tạo chứng từ “KS9 chênh lệch nhiệt độ” theo nguyên tắc:
 - Vcl bể <= 0 → đưa vào phần Nhập
 - Vcl bể > 0 → đưa vào phần Xuất

(*) Nhiệt độ bể nhập được xác định theo nguyên tắc sau:

- *Bể có sử dụng ĐMTĐ: nhiệt độ được xác định theo thứ tự ưu tiên:*
 1. Lấy nhiệt độ của log nhiệt độ gần nhất tại bể nhập tại thời điểm sau 120 phút nhập hàng và không quá 150 phút sau thời gian kết thúc nhập hàng; hoặc lấy nhiệt độ của bể tại thời điểm làm chứng từ chênh lệch nhiệt độ
 2. Lấy nhiệt độ bình quân thực tế tính toán lấy theo các log nhiệt độ tại bể ghi nhận từ hệ thống TĐH trong 30 ngày trước đó tính từ thời điểm kết thúc nhập hàng

Lưu ý:

Hệ thống không xác định được nhiệt độ thì sẽ có cảnh báo về chứng từ SR1 không xác định được nhiệt độ (các thông tin cảnh báo bao gồm: số chứng từ, bể chứa, ngày chứng từ, mặt hàng) và dừng không tạo chứng từ KS9.

Các bước xử lý đối với bể có ĐMTĐ khi không xác định được nhiệt độ

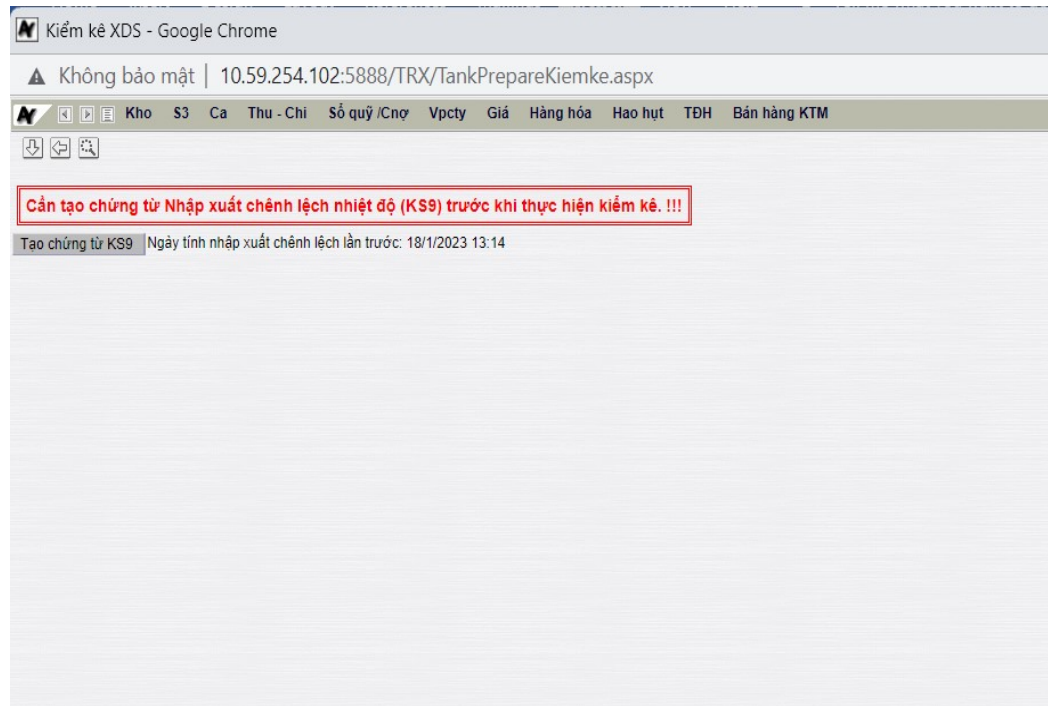
- B1: Vào danh mục “Cấu hình bể sử dụng ĐMTĐ, ”khai báo bể từ “Có sử dụng ĐMTĐ” về “Không sử dụng ĐMTĐ”
- B2: Khai báo nhiệt độ bình quân cho mặt hàng của bể bị lỗi
- B3: Tạo chứng từ KS9 tương ứng.
- *Bể không sử dụng ĐMTĐ, nhiệt độ lấy nhiệt độ khai báo tại danh mục Nhiệt độ bình quân.*

2.5 Kiểm kê XDS – KS5

2.5.1 Điều kiện làm chứng từ kiểm kê XDS KS5

Điều kiện cần phải có chứng từ KS9 mới tiếp tục tạo chứng từ KS5

- Hệ thống sẽ kiểm tra chứng từ KS9 đến thời điểm Kiểm kê đã được tạo hay chưa (Ngày giờ kiểm kê do NSD nhập tại ô “Ngày giờ Kiểm kê”).
- Nếu NSD chưa tạo KS9: Hệ thống sẽ có thông báo yêu cầu tạo KS9. NSD có thể tạo chứng từ chênh lệch nhiệt độ KS9 tại giao diện của chứng từ kiểm kê XDS KS5.



- Nếu NSD đã tạo chứng từ KS9: Hệ thống sẽ cho phép NSD thực hiện các bước tiếp theo của chứng từ KS5.

2.5.2 Các bước thực hiện Kiểm kê XDS (KS5)

a) Cách 1 Kiểm kê bằng phương pháp nhập liệu/Load số đo bể tại thời điểm kiểm kê

- Bước 1: Từ menu Kho, chọn chức năng Kiểm kê XDS, chọn các bể và vòi bơm cần kiểm kê, điền thông tin ngày giờ kiểm kê rồi ấn nút Next (bên trái).

Chọn bể, vòi bơm cho kiểm kê

Ngày-giờ kiểm kê: 13/2/2023 08:45 NEXT >>

Hoặc chọn từ ca đã có số chốt: NEXT >>

☒ Sử dụng ngày giờ chứng từ WS3 để làm ngày giờ kiểm kê

HÀNG HÓA	MÃ BỂ /Vòi bơm	TĐH	TÊN BỂ /vòi bơm
☐ Xăng E5 RON 92-II	63001	Y	Bể 1 - E5 RON92-II
	630001	Y	Vòi 1_E5 RON 92
	630002	Y	Vòi 2_E5 RON 92
☐ Xăng E5 RON 92-II	63007	Y	Bể 7 - E5 RON92-II
☐ Xăng E5 RON 92-II	63008	Y	Bể 8 - E5 RON92-II
☐ Xăng RON95-IV	63002	Y	Bể 2 - RON95-IV
	630003	Y	Vòi 3_RON 95_IV
	630006	Y	Vòi 6_RON 95 IV
☐ Xăng RON95-IV	63005	Y	Bể 5 - RON95-IV
☐ Xăng RON95-IV	63006	Y	Bể 6 - RON95-IV
☐ DO 0.05S-II	63004	Y	Bể 4 - DO 0.05S-II
	630005	Y	Vòi 5_DO 0.05S-II
☐ DO 0.001S-V	63003	Y	Bể 3 - DO 0.001S-V
	630004	Y	Vòi 4_DO 0.001S-V
☐ DO 0.001S-V	63022	Y	Bể 2 - DO 0.001S-V

- Bước 2:

- Cập nhật các thông tin tại **Tab Phần đo bể**(bể có sử dụng hệ thống TĐH đo bể):

Kích Load TĐH để lấy thông tin về nhiệt độ, hc, hn, của bể. Thực hiện cập nhật các thông tin Tỷ trọng TT, VCF. Tỷ trọng 15 D15 sẽ được chương trình tự động tính sau khi người dùng cập tỷ trọng thực tế. Trường Vc, Vn, Vtt, Vtai L15 được tự động tính và lấy số nguyên.

Load TĐH **Số đo vòi bơm**

Bấm vào **Tab Thừa thiếu kiểm kê** các thông tin kiểm kê và sổ sách, lượng thừa thiếu hàng, Tồn thực tế - L15 được tự động cập nhật.

Chọn Lưu để hoàn thành tạo chứng từ nhập thừa hoặc xuất thiếu kiểm kê (các thông tin tại tab Phần đo bể không để trống).

- Cập nhật các thông tin tại **Tab Phần đo bể**(nếu hệ thống TĐH đo bể không có hoặc lỗi):

Nhiệt độ, tỷ trọng được mặc định là số được khai báo tại **Hệ thống/cấu hình CHXD/ Cập nhật nhiệt độ/ tỷ trọng bể chứa**. Cập nhật nhiệt độ, tỷ trọng 15, Tỷ trọng TT, Hc, Hn để chương trình tự động tính ra Vc, Vn, Vtt, Vtai L15 và lấy giá trị nguyên.

Cập nhật **Tab Số đo vòi bơm**;

Bấm vào **Tab Thừa thiếu kiểm kê** các thông tin kiểm kê và sổ sách, lượng thừa thiếu hàng, Tồn thực tế - L15. được tự động cập nhật.

Chọn Lưu để hoàn thành tạo chứng từ nhập thừa hoặc xuất thiếu kiểm kê (các thông tin tại tab Phần đo bể không để trống)

STT	Tên cột	Diễn giải	Kiểu nhập liệu
1	Bể chứa	Mã bể - Tên bể	Không chỉnh sửa
2	Nhiệt độ	Nhiệt độ bể chứa	Load TĐH/Nhập liệu
3	Tỷ trọng 15	Tỷ trọng D15 của mặt	Không chỉnh sửa

STT	Tên cột	Diễn giải	Kiểu nhập liệu
		hàng, hệ thống tính toán (logic tại Phụ lục 2)	
4	VCF	VCF	Căn cứ vào nhiệt độ và D15
5	WCF	WCF	Căn cứ vào nhiệt độ và D15
6	Hc	Chiều cao chung	Load TĐH/Nhập liệu
7	Hn	Chiều cao nước	Load TĐH/Nhập liệu
8	Vc	Thể tích chung	Load TĐH/Nhập liệu
9	Vn	Thể tích nước	Load TĐH/Nhập liệu
10	TDH	Có/Không dùng TĐH	Load TĐH/ Không chỉnh sửa
11	Mục đích đo	Mục đích đo	Load TĐH/ Không chỉnh sửa
12	Thời gian đo	Thời gian đo	Load TĐH/Nhập liệu
13	Mã lỗi	Mã lỗi	Load TĐH/ Không chỉnh sửa
14	Tỷ trọng TT	Tỷ trọng TT	Nhập liệu
15	Vtt	Thể tích thực tế của hàng tại bể, Hệ thống tính toán căn cứ vào Vc, Vn	Load TĐH/Nhập liệu
16	V tại L15	Thể tích L15 của hàng tại bể = Vtt * VCF	Không chỉnh sửa

Chỉnh lịch Kiểm kê XDS

Số chứng từ: KS5.237

Ngày giờ: 2/7/2020 13:38

User 2120

Phân đo bểThừa thiếu kiểm kêChốt số đo và bơm

Lưu (Ctrl-S)

Xóa

In

	Bể chứa	Nhiệt độ	Tỷ trọng 15 (x1000)	VCF	WCF	Hc	Hn	Vc	Vn	TDH	Mục đích đo	Thời gian đo	Agas	KQ về	Mã lỗi	Tỷ trọng TT (x1000)	Vtt	V tại L15
1	63001-BỂ 1-E5 RON92-9	27.07	777.00	0.9672	0.7767	640	102	0	0	1	35	2/7/2020 13:48	0	768	3.071	3.032	3.032	

■ Thông tin tại **Tab Thừa thiếu kiểm kê**:

Tại chứng từ KS5 tại Tab Thừa thiếu kiểm kê bổ sung mới 2 cột Nhập/ Xuất. Nguyên tắc lấy dữ liệu như sau:

- Cột nhập:
 - ✓ Nếu NSD chọn option lấy số tồn kho bằng phương pháp nhập liệu hoặc load từ hệ thống ĐMTĐ tại thời điểm hiện hành thì cột “Nhập” sẽ có giá trị bằng 0
- Cột xuất:
 - ✓ Nếu NSD chọn option lấy số tồn kho bằng phương pháp nhập liệu hoặc load từ hệ thống ĐMTĐ tại thời điểm hiện hành thì cột “Xuất” sẽ có giá trị bằng 0

STT	Tên cột	Diễn giải	Kiểu nhập liệu
1	Hàng hóa	Mã hàng - Tên hàng	Không chỉnh sửa được
2	Tồn thực tế	= Tồn bể + Tồn đường ống + Xuất - Nhập	Không chỉnh sửa được
3	Tồn sổ sách	Tồn sổ sách tính đến thời điểm kiểm kê	Không chỉnh sửa được
4	Thừa/thiếu hàng	= Tồn thực tế - Tồn sổ sách	Không chỉnh sửa được
5	Tồn đường ống	Tồn đường ống của mặt hàng	Không chỉnh sửa được
6	<i>Tồn thực tế - L15</i>	<i>= Tồn bể L15 + (Tồn bể L15/Tồn bể LTT)*Tồn LTT đường ống</i>	Không chỉnh sửa được
7	Tồn bể	Lượng lít thực tế tồn hàng hóa của bể tại thời điểm kiểm kê	Không chỉnh sửa được
8	Tồn bể - L15	Lượng lít 15 tồn hàng hóa của bể tại thời điểm kiểm kê	Không chỉnh sửa được
9	Nhập	0	Chỉnh sửa được
10	Xuất	0	Chỉnh sửa được

Chỉnh lịch Kiểm kê XDS - Google Chrome

Không bảo mật | 10.59.254.102:5048/TRX/TR.aspx?tt=KS5&noheader=on

Chỉnh lịch Kiểm kê XDS

Ngày giờ: 7/2/2023 15:00 Ghi chú (header):

Phân đo bể Thừa thiếu kiểm kê Chốt số đo với bơm Chỉ liệt tồn LTT theo vận đơn Lưu (Ctrl-S)

Ghi chú:

	Hàng hóa	Tồn thực tế	Tồn sổ sách	Thừa/thiếu hàng	Tồn đường ống	Tồn thực tế - L15	Tồn bể	Tồn bể - L15	Nhập	Xuất
1	0201004 - Xăng E5 RON 92-I	13 817.98	13 817.98	0.00	112.00	21 699	21 703.00	21 592.00	8 000.00	2.1
2	0201042 - Xăng RON95-IV	22 305.22	22 305.22	0.00	103.00	22 113	22 195.00	22 011.00	0.00	7.1
3	0601002 - Dầu 0.05S-II	28 143.12	28 143.12	0.00	101.00	27 924	28 036.00	27 822.00	0.00	6.1
4										
5										
6										
7										
8										
9										
10										
11										
12										
13										
14										
15										
16										
17										
18										
19										
20										
21										
22										
23										
24										
25										
26										
27										
28										
29										

Chênh lệch Kiểm kê XDS

Ngày giờ: 17/6/2019 13:54 Ghi chú (header):

Phân đồ bểThửa thiếu kiểm kêChốt số đo vòi bơm

/ Ghi chú:

	Vòi bơm	Số chốt	Số TĐH	Có TĐH	Time Agas	Mã lỗi	/
1	19014 - Vòi 1_E5-RON92-II_AA238504	254 894.600	254 894.600	1	17/6/2019 13:55	0	X Load TĐH
2	19024 - Vòi 2_E5-RON92-II_AA238504	251 131.090	251 131.090	1	17/6/2019 13:55	0	X Load TĐH
3		0.000	0.000	0		0	X

Lưu ý:

Tại tab “Chốt số đo vòi bơm” hệ thống ghi nhận các thông tin liên quan đến TĐH gồm:

- Số chốt: Số chốt tại thời điểm kiểm kê. Nếu chốt bằng TĐH thì người dùng không sửa được số này. Ngược lại, người dùng được phép nhập số chốt thủ công.
- Số TĐH: Số chốt ghi nhận được từ hệ thống TĐH
- Có TĐH: Có kết nối TĐH (1: Có/ 0: không)
- Time Agas: Thời gian ghi nhận kết quả trả về từ Agas
- Mã lỗi: Lỗi chốt (0: không lỗi/ Khác: Có lỗi)

b) Cách 2: Kiểm kê bằng phương nháp kế thừa từ chứng từ chốt ca WS3

- Bước 1: Từ menu Kho, chọn chức năng Kiểm kê XDS, chọn chứng từ WS3 cần tham chiếu dữ liệu tại ô “Hoặc chọn từ ca đã có số chốt”, điền thông tin ngày giờ kiểm kê rồi ấn nút Next (bên phải).
 - Nếu tích chọn ô “Sử dụng ngày giờ chứng từ WS3 để làm ngày giờ kiểm kê”: Hệ thống sẽ lấy ngày giờ của chứng từ WS3 làm ngày giờ của chứng từ KS5 (Ngày giờ WS3=Ngày giờ kiểm kê KS5)
 - Nếu không tích chọn ô “Sử dụng ngày giờ chứng từ WS3 để làm ngày giờ kiểm kê”: Hệ thống sẽ lấy ngày giờ kiểm kê do NSD nhập làm ngày giờ của chứng từ KS5 (Ngày giờ WS3 < > Ngày giờ kiểm kê KS5)

Chọn bể, vòi bơm cho kiểm kê

Ngày-giờ kiểm kê: 13/2/2023 08:45

Hoặc chọn từ ca đã có số chốt

☒ Sử dụng ngày giờ chứng từ WS3 để làm ngày giờ kiểm kê

HÀNG HÓA	MÃ BỂ /Vòi bơm	TDH	TÊN BỂ /Vòi bơm
☐ Xăng E5 RON 92-II	63001	Y	Bể 1 - E5 RON92-II
	630001	Y	Vòi 1_E5 RON 92
	630002	Y	Vòi 2_E5 RON 92
☐ Xăng E5 RON 92-II	63007	Y	Bể 7 - E5 RON92-II
☐ Xăng E5 RON 92-II	63008	Y	Bể 8 - E5 RON92-II
☐ Xăng RON95-IV	63002	Y	Bể 2 - RON95-IV
	630003	Y	Vòi 3_RON 95_IV
	630006	Y	Vòi 6_RON 95_IV
☐ Xăng RON95-IV	63005	Y	Bể 5 - RON95-IV
☐ Xăng RON95-IV	63006	Y	Bể 6 - RON95-IV
☐ DO 0.05S-II	63004	Y	Bể 4 - DO 0.05S-II
	630005	Y	Vòi 5_DO 0.05S-II
☐ DO 0.001S-V	63003	Y	Bể 3 - DO 0.001S-V
	630004	Y	Vòi 4_DO 0.001S-V
☐ DO 0.001S-V	63022	Y	Bể 2 - DO 0.001S-V

- Bước 2: Cập nhật thông tin bể (nếu có). Tại **tab Phần đo bể** hệ thống sẽ load các bể tại Cửa hàng căn cứ theo mặt hàng tại tab “Chốt số đo vòi bơm”, trong đó, dữ liệu bể được load căn cứ theo các trường hợp sau:

- Nếu Ngày giờ kiểm kê = Ngày giờ chứng từ WS3 được tham chiếu, thứ tự ưu tiên load dữ liệu :
 - Thông tin đo bể tại chứng từ WS3
 - Nếu không có dữ liệu tại Tab đo bể của WS3 thì lấy thông tin ĐMTĐ tại thời điểm ngày giờ chứng từ WS3 (áp dụng với Cửa hàng có ĐMTĐ)
- Nếu Ngày giờ kiểm kê < > Ngày giờ chứng từ WS3 được tham chiếu thì thông tin đo bể được lấy tại thời điểm Ngày giờ kiểm kê làm KS5 (áp dụng với Cửa hàng có ĐMTĐ)
- Nếu hệ thống không load được dữ liệu bể (bị lỗi) hoặc Cửa hàng không có ĐMTĐ thì dữ liệu bể sẽ do NSD nhập liệu

Lưu ý: Cột “Thời gian đo” tại tab Phần đo bể là thời gian hệ thống ghi nhận log bể (với trường hợp cửa hàng có ĐMTĐ) hoặc là thời gian đo do NSD nhập liệu (với trường hợp cửa hàng không có ĐMTĐ)

Chỉnh lịch Kiểm kê XDS - Google Chrome

Không bảo mật | 10.59.254.102:5048/TRX/TR.aspx?tt=KS5&noheader=on

Chỉnh lịch Kiểm kê XDS

Ngày giờ: 7/2/2023 15:00 | Ghi chú (header)

Phân đo bể

Thừa thiếu kiểm kê

Kiểm số đo vận bơm

Lưu (Ctrl+S)

X

/ Ghi chú

	Bể chứa	Nhiệt độ	Tỷ trọng	VCF	WCF	Hc	Hn	Vc	Vn	TDH	Mục đích đo	Thời gian đo	Mã bể	Tỷ trọng	V ở	V sai L15
		15	(x1000)											TT	(x1000)	
1	883 - Bể 3 - ES-RON92 II 0201002	22.45	728	0.9905	0.7249	2.031	5	0	0	1.0000	-1	7/2/2023 15:59			21 703	21 497 X
2	862 - Bể 2 - R95-IV II 0201042	24.99	728	0.9874	0.7269	2.031	3	0	0	1.0000	-1	7/2/2023 15:59			22 195	21 915 X
3	884 - Bể 4 - DO 0.05S-II II 0601002	24.61	830	0.9918	0.8289	2.031	11	0	0	1.0000	-1	7/2/2023 15:59			22 112	21 931 X
4	881 - Bể 1 - DO 0.05S-II II 0601002	24.33	850	0.9923	0.8489	652	18	0	0	1.0000	-1	7/2/2023 15:59			5 924	5 878 X
5	885 - Bể 5 - ES II 0201004															
6		0								0						X Load TDR
7		0								0						X
8		0								0						X
9		0								0						X
10		0								0						X
11		0								0						X
12		0								0						X
13		0								0						X
14		0								0						X
15		0								0						X
16		0								0						X
17		0								0						X
18		0								0						X
19		0								0						X
20		0								0						X
21		0								0						X
22		0								0						X
23		0								0						X
24		0								0						X
25		0								0						X
26		0								0						X
27		0								0						X
28		0								0						X
29		0								0						X
30		0								0						X

- Thông tin tại **Tab Thừa thiếu kiểm kê**:

Tại chứng từ KS5 tại Tab Thừa thiếu kiểm kê bổ sung mới 2 cột Nhập/ Xuất.
Nguyên tắc lấy dữ liệu như sau:

- Cột nhập:
 - ✓ Nếu NSD chọn option lấy số tồn kho từ chứng từ WS3 thì giá trị cột “Nhập” = Tổng giá trị cột (LTT – ĐCNB) tab Vận đơn từ chứng từ SR1 theo mặt hàng trong khoảng thời gian từ “Ngày giờ chứng từ WS3” đến “Thời gian đo” tại tab “Phân đo bể”
- Cột xuất:
 - ✓ Nếu NSD chọn option lấy số tồn kho từ chứng từ WS3 thì giá trị cột “Xuất” = Tổng Lượng xuất theo log bán trong khoảng thời gian từ “Ngày giờ chứng từ WS3 được chọn” đến “Thời gian đo” tại tab “Phân đo bể”

STT	Tên cột	Diễn giải	Kiểu nhập liệu
1	Hàng hóa	Mã hàng - Tên hàng	Không chỉnh sửa được
2	Tồn thực tế	= Tồn bể + Tồn đường ống + Xuất - Nhập	Không chỉnh sửa được
3	Tồn sổ sách	Tồn sổ sách tính đến thời điểm kiểm kê	Không chỉnh sửa được
4	Thừa/thiếu hàng	= Tồn thực tế - Tồn sổ sách	Không chỉnh sửa được
5	Tồn đường ống	Tồn đường ống của mặt hàng	Không chỉnh sửa được
6	Tồn thực tế - L15	= Tồn bể L15 + (Tồn bể L15/Tồn bể LTT)*Tồn LTT đường ống	Không chỉnh sửa được
7	Tồn bể	Lượng lít thực tế tồn hàng hóa của bể tại	Không chỉnh sửa

STT	Tên cột	Diễn giải	Kiểu nhập liệu
		thời điểm kiểm kê	được
8	Tồn bể - L15	Lượng lít 15 tồn hàng hóa của bể bể tại thời điểm kiểm kê	Không chỉnh sửa được
9	Nhập	Lượng hàng nhập của vận đơn tính từ thời điểm "Ngày giờ chứng từ WS3 được tham chiếu" đến "Thời gian đo" tại tab "Phần đo bể"	Chỉnh sửa được
10	Xuất	Lượng hàng xuất của cột bơm tính từ thời điểm "Ngày giờ chứng từ WS3 được tham chiếu" đến "Thời gian đo" tại tab "Phần đo bể"	Chỉnh sửa được

	Hàng hóa	Tổng thực tế	Tổng số sách	Thừa/thiếu hàng	Tổng đường ống	Tổng thực tế - L15	Tổng bể	Tổng bể - L15	Nhập	Xuất
1	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	13 817.98	13 817.98	0.00	112.00	21 699	21 703.00	21 592.00	8 000.00	2.98 x
2	0201042 - Xăng RON95-IV	22 305.22	22 305.22	0.00	103.00	22 113	22 195.00	22 011.00	0.00	7.22 x
3	0601002 - DO 0.05S-II	28 143.12	28 143.12	0.00	101.00	27 924	28 036.00	27 822.00	0.00	6.12 x
4										x
5										x
6										x
7										x
8										x
9										x
10										x
11										x
12										x
13										x
14										x
15										x
16										x
17										x
18										x
19										x
20										x
21										x
22										x
23										x
24										x
25										x
26										x
27										x
28										x
29										x

- Thông tin tại **tab Chốt số đo vòi bơm**: Tham chiếu dữ liệu từ chứng từ tab “Chốt số đo vòi bơm” của chứng từ WS3

Phụ lục 1- Công thức tính toán tại Tab “Hạch toán” trên chứng từ SR1

- LTT thực nhập trên vận đơn:

$$LTT_{sr1} = LTT \text{ vận đơn} - ĐCNB$$
- L15 thực nhập trên vận đơn:

$$L15_sr1 = [L15 \text{ vận đơn} * (LTT \text{ vận đơn} - ĐCNB)] / LTT \text{ vận đơn}$$

- Kg thực nhập trên vận đơn:

$$Kg_sr1 = [Kg \text{ vận đơn} * (LTT \text{ vận đơn} - ĐCNB)] / LTT \text{ vận đơn}$$

Trong đó:

$$Kg \text{ vận đơn} = (LTT \text{ trên tab Vận đơn} - ĐCNB \text{ trên tab Vận đơn}) * WCF$$

- V.Bể = VTT sau nhập (tab "Phân đo bể") - VTT trước nhập (tab "Phân đo bể") + Số xuất bán qua vòi tương ứng với bể (tab "Số đo vòi bơm chót")
- LTT hạch toán

- o Đối với các bể đầu :

$$Lít TT \text{ hạch toán} = VTT \text{ sau nhập (tab "Phân đo bể")} - VTT \text{ trước nhập (tab "Phân đo bể")} + \text{Số xuất bán qua vòi tương ứng với bể (tab "Số đo vòi bơm chót")}$$

- o Đối với bể cuối cùng:

$$Lít TT \text{ hạch toán} = LTT_sr1 - Lít TT \text{ hạch toán đã ghi nhận ở các bể trước}$$

- L15:

- o Đối với các bể đầu:

$$L15 \text{ bể} = (LTT \text{ hạch toán bể} / LTT_sr1) * L15_sr1$$

- o Đối bể cuối cùng

$$L15 \text{ bể} = L15_sr1 - L15 \text{ các bể trước} \quad \sum Kg = (LTT \text{ trên tab Vận đơn} - ĐCNB \text{ trên tab Vận đơn}) * WCF$$

- Kg:

- o Đối với các bể đầu:

$$Kg \text{ bể} = (LTT \text{ hạch toán bể} / LTT_sr1) * Kg_sr1$$

- o Đối với bể cuối

$$Kg \text{ bể} = Kg_sr1 - Kg \text{ các bể trước}$$

- V.chênh lệch

- o Đối với các bể đầu:

$$V. \text{Chênh lệch bể} = \frac{LTT \text{ hạch toán bể}}{LTT_SR1} * (LTT_{sr1} - LTT \text{ trên tab số đo phương tiện})$$

- o Đối với bể cuối

$$V. \text{chênh lệch bể} = (LTT_sr1 - LTT \text{ trên tab Số đo phương tiện}) - V. \text{chênh lệch đã ghi nhận ở các bể trước}$$

- V. giãn nở

- o Đối với các bể đầu:

$$V. \text{Giãn nở bể} = \frac{LTT \text{ hạch toán bể}}{LTT_{SR1}} * (LTT_{sr1} - LTT \text{ trên tab số đo phương tiện}) \\ * (\text{nhiệt độ vận đơn} - \text{nhiệt độ tab số đo phương tiện}) * \text{Hệ số giãn nở}$$

- Đối với bể cuối

$$V. \text{giãn nở bể} = (LTT_{sr1} - LTT \text{ trên tab Số đo phương tiện}) * (\text{nhiệt độ vận đơn} - \text{nhiệt độ tại tab số đo phương tiện}) * \text{Hệ số giãn nở} - V. \text{giãn nở đã ghi nhận ở các bể trước}$$

- V.định mức

- Đối với các bể đầu:

$$V. \text{Định mức bể} = \frac{LTT \text{ hạch toán bể}}{LTT_{SR1}} * LTT_{sr1} \\ * \text{Hệ số hao hụt trong Giao hao hụt định mức vận chuyển} * \text{Km từ kho đến CH}$$

- Đối với bể cuối

$$V. \text{định mức} = LTT_{sr1} * \text{Hệ số hao hụt trong Giao hao hụt định mức vận chuyển} * \text{Km từ kho đến CH.} - V. \text{định mức đã ghi nhận ở các bể trước}$$

- V.thừa thiếu = V chênh lệch - V. giãn nở - V định mức

Phụ lục 2: Công thức tính D15 bình quân trên tab đo bể của chứng từ KS5

- Cột “Tỉ trọng 15 (x1000): D15 của bể được hệ thống tính theo phương pháp bình quân gia quyền theo chứng từ nhập tương ứng lượng tồn kho thực tế; tỉ trọng 15 của bể được dùng để làm căn cứ tính V15 của bể tại thời điểm kiểm kê:
- Công thức

$$D15 \text{ bình quân} = \frac{\sum (D15_{SR1} \text{ các chứng từ gần nhất} * LTT \text{ tồn kho tương ứng với LTT vận đơn của chứng từ SR1})}{\sum LTT \text{ của mặt hàng tại thời điểm kiểm kê}}$$